

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHƠN TRẠCH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/LĐ-ST

Ngày: 18/7/2022

V/v tranh chấp yêu cầu bồi thường  
do đơn phương chấm dứt hợp đồng  
lao động.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Thúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Điệp – Chủ tịch hội cựu chiến binh huyện Nhơn Trạch

Bà Phan Thị Hiếu - Nguyên Chủ tịch liên đoàn lao động huyện Nhơn Trạch

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Thanh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** bà Lê Thị Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2020/TLST – LĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp yêu cầu bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 328/2022/QĐXX-LĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 560/QĐST-LĐ ngày 30/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Ngọc H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 20, ấp Đ, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Công ty TNHH Ha

Địa chỉ: đường 25B, khu công nghiệp N, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
(Ông H có mặt, Công ty TNHH Ha vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn khởi kiện lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Ngọc H trình bày:***

Ông Bùi Ngọc H làm việc tại Công ty TNHH Ha từ ngày 01/10/2012. Sau khi thử việc Công ty ký hợp đồng lao động xác định thời hạn 01 năm, sau đó ký hợp đồng không xác định thời hạn, công việc thợ lắp.

Ngày 14/9/2019, ông H nhận được thông báo của Công ty, nội dung thông báo Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông H. Công ty đưa ra lý do để chấm

dứt hợp đồng với ông H do Công ty đang gặp khó khăn tài chính phải thu hẹp sản xuất.

Do Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên ông Bùi Ngọc H khởi kiện tranh chấp ra Tòa. Nhưng sau đó 02 bên ngồi lại hòa giải tự thương lượng với nhau. Công ty đồng ý bồi thường cho ông H 140.000.000 đồng nên ông H rút đơn. Tuy nhiên, đến nay Công ty chỉ mới trả cho ông H 70.000.000 đồng, còn 70.000.000 đồng không trả.

Công ty TNHH Ha không thực hiện đúng thỏa thuận giữa hai bên nên ông H khởi kiện tranh chấp.

Nay ông H yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Ha trả số tiền bồi thường 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do

Ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đúng quy định của pháp luật, Tòa án giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, còn trong thời hiệu, xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự đúng, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định, thu thập chứng cứ đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí đề nghị buộc bị đơn chịu theo luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thẩm vấn, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

*1/ Về quan hệ pháp luật và thời hiệu khởi kiện:*

Ông Bùi Ngọc H khởi kiện Công ty TNHH Ha đối chiếu Bộ luật lao động, Điều 31 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “tranh chấp yêu cầu bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”. Căn cứ Điều 202 Bộ luật lao động xác định vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

*2/ Về tư cách đương sự và thẩm quyền:*

Căn cứ Điều 56 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông Bùi Ngọc H là nguyên đơn; bị đơn là Công ty TNHH Ha.

Bị đơn Công ty TNHH Ha có trụ sở tại huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ Điều 33 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

*3. Xét yêu cầu khởi kiện:*

Ngày 01/11/2012, ông Bùi Ngọc H và Công ty TNHH Ha ký hợp đồng lao động thời hạn 01 năm. Sau khi hết hạn hợp đồng ông H tiếp tục làm việc đến ngày 01/11/2015 hai bên ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn, số hợp

đồng 80/15. Hợp đồng hai bên ký kết phù hợp quy định tại Điều 23 Bộ luật lao động năm 2012 nên được xem là hợp đồng hợp pháp.

Về nội dung Quyết định số 382019 ngày 26/10/2019:

Công ty Công ty TNHH Ha ban hành Quyết định số 382019 ngày 26/10/2019 đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông Bùi Ngọc H với lý do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính phải thu hẹp sản xuất nên không có nhu cầu sử dụng lao động ở vị trí ông H đang đảm trách. Tại Điều 38 Bộ luật lao động năm 2012 quy định: “ Người sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động...Do thiên tai, hỏa hoạn hoặc những lý do bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật, mà người sử dụng lao động đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng vẫn buộc phải thu hẹp sản xuất, giảm chỗ làm việc”. Phía bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh về lý do bất khả kháng buộc phải thu hẹp sản xuất, giảm chỗ làm việc theo quy định tại Điều 38 Bộ luật lao động như viện dẫn trên.

Về hình thức: Tại khoản 2 Điều 38 Bộ luật lao động năm 2012 quy định: “ Khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động người sử dụng lao động phải báo cho người lao động biết trước : a) ít nhất 45 ngày đối với hợp đồng không xác định thời hạn;” Nhưng ngày 14/9/2019, Công ty TNHH Ha ban hành Thông báo về việc chấm dứt hợp đồng lao động số cho ông H biết đến ngày 26/10/2019 Công ty đã ban hành Quyết định số 382019 cho ông H thôi việc. Như vậy Công ty chỉ báo trước 43 ngày là vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38 Bộ luật lao động năm 2012.

Do đó việc Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông H là trái quy định tại Điều 38 Bộ luật lao động năm 2012.

Sau khi chấm dứt hợp đồng trái pháp luật với ông H Công ty TNHH Ha đã tự thỏa thuận bồi thường cho ông H số tiền 140.000.000 đồng. Việc thỏa thuận bồi thường giữa hai bên phù hợp quy định pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Tuy nhiên, sau khi thỏa thuận phía Công ty chỉ bồi thường cho ông H 70.000.000 đồng, số tiền còn lại 70 000 000 đồng chưa bồi thường. Việc không bồi thường đủ theo thỏa thuận là vi phạm sự thỏa thuận hai bên đã thỏa thuận thống nhất. Tại phiên tòa phía ông H chỉ yêu cầu Công ty bồi thường một phần với số tiền 50.000.000 đồng. Xét yêu cầu của ông H phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận như nhận định trên. Ông H thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bồi thường một phần số tiền đã thỏa thuận không tranh chấp về nội dung hợp đồng lao động nên không đưa ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật.

Như nhận định trên, xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phù nên chấp nhận

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 32,33, 35,56, 147,184, 220, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 23, 38, 42, 90, 114, 201, 202 Bộ luật lao động năm 2012;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Ngọc H đối với bị đơn Công ty TNHH Ha.

Xử: Buộc Công ty TNHH Ha bồi thường cho ông Bùi Ngọc H số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Về án phí: Công ty TNHH Ha phải chịu 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt, nếm yết hợp lệ bản án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKS, THADS, TAT;
- Lưu (HS, AV).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Thúc**